

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN I
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07/6/2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN I – TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Viết Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Huỳnh Thị Ngọc Lan**.

2. Bà **Võ Thị Thu Thủy**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Minh Chính** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện I, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Kim Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Th**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn B1, xã K, huyện I, tỉnh G. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Phùng Văn M**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn B1, xã K, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày: Chị và anh **Phùng Văn M** kết hôn ngày 16/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện I, tỉnh G trên tinh thần tự nguyện. Vợ chồng có 02 con chung tên là: **Phùng Ngọc Khánh B**, sinh ngày 22/10/2013 và **Phùng Ngọc Khánh M**, sinh ngày 31/01/2019. Trong cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc nhưng

càng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và lối sống. Vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với M.

Về con chung: Có 02 con chung như chị đã trình bày, hiện nay chị là người trực tiếp nuôi các con. Ly hôn chị nhận nuôi 02 con chung, chị yêu cầu anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với mức là 4.000.000 đồng/tháng/02 con (tương ứng 2.000.000đồng/tháng/01 con).

Về tài sản: Chị Đỗ Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 06/12/2021, bị đơn anh Phùng Văn M trình bày:* Anh và chị Đỗ Thị Th kết hôn ngày 16/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện I, tỉnh G. Vợ chồng có 02 con chung tên là Phùng Ngọc Khánh B, sinh ngày 22/10/2013 và Phùng Ngọc Khánh M, sinh ngày 31/01/2019, hiện chị Th đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng do tính tình không hợp nhau nên dẫn đến ly thân, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Về con chung do các con còn nhỏ và chị Th đang nuôi dưỡng nên ly hôn anh đồng ý giao cho chị Th được nuôi con và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con với mức 4.000.000đồng/tháng/02 con theo như ý kiến yêu cầu của chị Th. Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên toà đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th và cho chị Th được ly hôn với anh Phùng Văn M. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên là Phùng Ngọc Khánh B, sinh ngày 22/10/2013 và Phùng Ngọc Khánh M, sinh ngày 31/01/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Phùng Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 4.000.000 đồng/tháng/02 con, kể từ ngày 07/6/2022 cho đến khi các con thành niên và tự lập được. Về tài sản nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Th phải chịu án phí sơ thẩm về việc xin ly hôn và anh M phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Th khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện I, tỉnh G giải quyết ly hôn với anh Phùng Văn M và yêu cầu giải quyết việc giao nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về

nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh M có nơi cư trú tại thôn B1, xã K, huyện I, tỉnh G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện I theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh M sau khi thụ lý vụ án đã có bản khai và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và sau đó không đến Tòa án tham gia các thủ tục tố tụng tiếp theo và vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Phùng Văn M theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Phùng Văn M kết hôn ngày 16/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện I, tỉnh G, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Th và anh M đều cho rằng trong quan hệ hôn nhân giữa hai người có những bất đồng về quan điểm và lối sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến việc chị Th và anh M đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét việc mâu thuẫn xảy ra dẫn đến nguyên đơn xin ly hôn phù hợp với ý kiến trình bày của bị đơn anh M có tại hồ sơ vụ án. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án, sau khi đã có bản khai và Tòa án đã triệu tập anh M nhiều lần để trình bày ý kiến, xem xét đến nguyện vọng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh M không đến Tòa án để tham gia tố tụng, điều đó chứng tỏ anh M không có thiện chí duy trì hôn nhân với chị Th và anh M phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị Th, anh M đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm và lối sống. Đó cũng là nguyên nhân làm cho cuộc sống chung của vợ chồng chị Th, anh M không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng giữa chị Th, anh M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh M.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi dưỡng 02 con chung của chị Th thấy rằng: Khi vợ chồng ly thân, vẫn do chị Th nuôi dưỡng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu Bằng có ý kiến là cháu xin được ở với mẹ vì mẹ yêu thương và chăm sóc cháu nhiều hơn còn cháu My chưa đủ 7 tuổi nên Tòa án không lấy ý kiến. Bản thân 02 con chung hiện nay còn nhỏ nên cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, đồng thời anh M đã có bản khai nêu ý kiến chấp thuận để chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường và quyền lợi của các con về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của chị Th cũng như ý kiến

của anh M, giao cho chị Th được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng là 4.000.000 đồng/tháng/02 con (tương ứng 2.000.000đồng/tháng/con), Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu này của chị Th là chính đáng, chị Th trực tiếp nuôi 02 con chung nên người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên là phù hợp với quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời anh M có bản khai chấp nhận cấp dưỡng theo mức 4.000.000 đồng/tháng/02 con nên Hội đồng xét xử chấp nhận với mức cấp dưỡng theo yêu cầu là 4.000.000 đồng/tháng/02 con (tương ứng 2.000.000 đồng/tháng/01con) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000 đồng, anh Phùng Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th được ly hôn với anh Phùng Văn M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Phùng Ngọc Khánh B, sinh ngày 22/10/2013 và Phùng Ngọc Khánh M, sinh ngày 31/01/2019 cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phùng Văn M phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Phùng Ngọc Khánh B, sinh ngày 22/10/2013 và Phùng Ngọc Khánh M, sinh ngày 31/01/2019 với mức cấp dưỡng là 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng/02 con (tương ứng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng/01 con). Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 07/6/2022 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ khác làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí:

- Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004651 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh G. Chị Đỗ Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Phùng Văn M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Anh Phùng Văn M chưa nộp án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/6/2022). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Đề yêu cầu tòa án nhân

dân tỉnh G xét xử phúc thẩm./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận

- TAND tỉnh G;
- VKSND Huyện I (03 bản);
- THADS Huyện I;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu H/sơ vụ án.
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Lê Viết Thịnh